

11. NHỮNG THAY ĐỔI VỀ TSGTKS TRONG TƯƠNG LAI TỪ QUAN ĐIỂM CHÍNH SÁCH

Những con số trong phân tích tác động của mất cân bằng TSGTKS lên cấu trúc dân số tương lai cho thấy những rủi ro lớn khi chúng ta có thái độ “bàng quan” – không có can thiệp gì nhằm điều chỉnh tình trạng mất cân bằng TSGTKS. Tình trạng mất cân bằng TSGTKS diễn ra trong một thập kỷ nữa sẽ dẫn đến hậu quả không tránh khỏi là tình trạng dư thừa hàng chục ngàn trẻ em trai được sinh ra, mà kết cục của nó là sự đảo lộn cơ cấu giới tính của dân số trưởng thành sau 20 năm. Thực tế, mọi nỗ lực nhằm giảm số trẻ em trai dư thừa hôm nay thông qua các can thiệp chủ đích và các chiến dịch tuyên truyền vận động sẽ góp phần làm giảm bớt số nam giới phải trì hoãn hôn nhân hoặc sống độc thân trong tương lai. Tình trạng nam giới sống độc thân là kết quả khó tránh khỏi của xu hướng mất cân bằng giới tính khi sinh hiện nay: điều này sẽ dẫn đến những thay đổi lớn trong chức năng của cơ cấu gia đình phụ hệ vốn phụ thuộc vào nam giới để duy trì các thế hệ. Nhu cầu có con trai thông qua hành vi lựa chọn giới tính hiện đại sẽ làm tổn hại tới chính hệ thống gia đình phụ hệ này.

Điều quan trọng là phải xem xét những thay đổi tương lai trong xu hướng TSGTKS và đặc biệt là cân nhắc các can thiệp có hiệu quả tới các xu hướng nhân khẩu học. Cũng cần lưu ý là sự gia tăng TSGTKS không phải là không đảo ngược được. Tâm lý ưa thích con trai xuất phát từ hệ thống gia đình phụ hệ cũng có thể thay đổi. Trên thực tế, các xã hội hiện đại ở Đông Á đã chứng kiến sự cải thiện tình trạng bất bình đẳng giới trong những thập kỷ vừa qua. Ví dụ như Nhật Bản, mặc dù vẫn còn những sự khác biệt cố hữu giữa nam giới và nữ giới trong nhiều lĩnh vực kinh tế và xã hội, nhưng điều kiện của phụ nữ đã dần được cải thiện trong 50 năm qua thông qua các cơ hội giáo dục và việc làm. Hàn Quốc là quốc gia có sự gia tăng TSGTKS nhanh chóng trong những năm 1980 cũng có những cải thiện tương tự. Trong thập kỷ 1980, tình trạng mất cân bằng giới tính ở Hàn Quốc đã diễn ra giống như Trung Quốc khi công nghệ xác định giới tính trước sinh trở nên sẵn có và cho phép phụ nữ loại bỏ các thai gái không mong muốn. TSGTKS ở Hàn Quốc đã tăng đến mức 115 trong những năm đầu thập kỷ 90 của thế kỷ 20. Tuy nhiên, điểm đáng chú ý là TSGTKS của Hàn Quốc đã giảm đi sau đó, bắt đầu từ giữa những năm 1990. Tình trạng mất cân bằng giới tính đã giảm dần qua các năm, và hiện nay ở mức 106. Đây là trường hợp duy nhất ghi nhận có sự bình ổn TSGTKS và cung cấp các bài học kinh nghiệm về vai trò của chính sách công và các can thiệp xã hội nhằm ổn định TSGTKS (Chun và Das Gupta, 2007).

Có một vài yếu tố tác động đến sự suy giảm TSGTKS từ giữa những năm 1990 ở Hàn Quốc, một giai đoạn mang dấu ấn của tăng trưởng kinh tế và thay đổi xã hội. Thứ nhất, chính phủ đã quy định phá thai chọn lọc giới tính là bất hợp pháp. Quy định này áp dụng một cách chặt chẽ trong lĩnh vực y tế, đảm bảo việc tuân thủ nghiêm ngặt cấm phá thai chọn lọc giới tính. Thứ hai, một loạt các đạo luật về lao động việc làm và gia đình được đưa ra đồng bộ từ những năm 1980 đã thúc đẩy bình đẳng giới ở đất nước này. Thứ ba, tình trạng bất bình đẳng giới dần được cải thiện với tỷ lệ phụ nữ có trình độ học vấn cao hơn, có thu nhập và công việc tốt hơn ngày càng tăng. Kết quả là phụ nữ kết hôn muộn hơn rất nhiều, thậm chí đến nay tỷ lệ phụ nữ quyết định không kết hôn ngày càng tăng. Sự tác động của ba yếu tố này đối với những thay đổi trong việc lựa chọn giới tính còn chưa được nghiên cứu rõ, song rõ ràng là những can thiệp của chính phủ và những thay đổi trong xã hội đã có một vai trò quan trọng

trong việc thay đổi nhận thức và quan niệm xã hội. Những chính sách can thiệp khác cũng được áp dụng ở Trung Quốc và Ấn Độ, nhưng những thay đổi gần đây trong TSGTKS ở các quốc gia này cho thấy rằng TSGTKS mới chỉ ngừng tăng và giảm nhẹ ở một số khu vực. Vì thế, những bằng chứng về đánh giá tác động của các can thiệp xã hội cụ thể đối với hành vi xã hội này còn rất hạn chế.

Với những thành công còn hạn chế ở các quốc gia châu Á – trừ Hàn Quốc – nhằm giảm TSGTKS, thách thức ở phía trước là tìm kiếm những can thiệp có hiệu quả nhằm thay đổi tâm lý ưa thích con trai và giảm thiểu hành vi lựa chọn giới tính trước sinh ở Việt Nam. Có nhiều công cụ chính sách và các biện pháp can thiệp, tuy nhiên phần lớn chúng được trải nghiệm ở các quốc gia khác và hiệu quả về khả năng giảm TSGTKS là không rõ ràng. Trước tiên, số liệu thống kê thường xuyên về TSGTKS còn rất nghèo nàn trừ số liệu TĐTDS, các số liệu sẵn có lại bị hạn chế trong việc sử dụng để đánh giá các xu hướng và sự khác biệt. Vì vậy cần phải thu thập các số liệu thống kê định kỳ về xu hướng TSGTKS. Không thể đánh giá sự gia tăng TSGTKS đầy đủ nếu không có sự tiếp cận với các nguồn số liệu thống kê có chất lượng và hệ thống số liệu đăng ký khai sinh cung cấp thông tin chi tiết về khu vực, theo từng năm và vì vậy đó là nguồn số liệu tin cậy nhất cho việc giám sát các xu hướng TSGTKS.

Một vài biện pháp can thiệp hiện nay chủ yếu dựa trên kiểm soát hoặc cấm lựa chọn giới tính. Những biện pháp này khá phổ biến ở các quốc gia châu Á¹⁷. Tuy nhiên, các biện pháp này ít hiệu lực vì tính khả thi và các lý do khác. Ví dụ, hầu như không thể xác định một ca phá thai là do lựa chọn giới tính hay không. Tương tự, việc cấm xác định giới tính trước sinh cũng không khả thi, nhất là khi lĩnh vực y tế tư nhân ngày càng mở rộng nhằm đáp ứng các nhu cầu của các phụ nữ mang thai. Cách tiếp cận này không chỉ khó trong khâu thực hiện, mà còn có nguy cơ làm tăng phá thai không an toàn. Ngoài ra, những kỹ thuật mới (xác định giới tính sử dụng máu bào thai, các biện pháp sàng lọc phôi trước cấy,...) thậm chí còn gây khó khăn hơn nữa cho việc giám sát trong tương lai.

Các biện pháp can thiệp kể trên giải quyết khâu “cung” về lựa chọn giới tính, bằng cách nhằm vào tính khả thi của phá thai chọn lọc giới tính. Tuy nhiên, cũng có các can thiệp giải quyết “cầu” của hiệu tượng gia tăng TSGTKS, ví dụ như tâm lý ưa thích con trai của các hộ gia đình. Ưa thích con trai ở Việt Nam do nhiều yếu tố khác nhau, từ các yếu tố về tín ngưỡng liên quan chặt chẽ tới vai trò của con trai trong các nghi lễ gia đình đến nhu cầu thực tế về lao động nam trong các gia đình nông dân. Xuyên suốt trong các khía cạnh khác nhau của tình trạng bất bình đẳng giới này là hệ thống phụ hệ, trong đó con trai là không thể thiếu để tiếp nối gia đình. Những biểu hiện của nó thể hiện qua nhiều khía cạnh như tín ngưỡng, tâm lý, xã hội, chính trị, kinh tế, tất cả gắn với vai trò ít quan trọng của con gái trong các hộ gia đình Việt Nam. Theo Bélanger (2002), thành kiến về giới tiếp tục tồn tại ở Việt Nam vì nhiều lý do khác nhau và những lý do này có xu hướng củng cố lẫn nhau. Tuy nhiên, số liệu TĐTDS cũng cho thấy những khác biệt đáng kể giữa các vùng trên cả nước về tâm lý ưa thích con trai. Đây là một đặc điểm có thể có liên quan chặt chẽ tới những biến đổi trong hệ thống quan hệ họ hàng và truyền thống gia đình phụ hệ (xem phân tích chi tiết trong Phụ lục 9).

¹⁷ Lựa chọn giới tính bị cấm ở Việt Nam (Pháp lệnh Dân số 2003). Quy định này được củng cố bằng Nghị định ra đời tháng 10/2006 và những quy định gần đây. Việc triển khai các quy định này trên thực tế còn hạn chế và việc giám sát thực thi các quy định pháp luật này trong các cơ sở y tế còn gặp nhiều khó khăn.

Những can thiệp chính sách nhằm thay đổi tâm lý truyền thống ưa thích con trai vì thế thường đa dạng và có sự bổ sung lẫn nhau. Cách tiếp cận đầu tiên là tập trung vào môi trường pháp lý. Nhiều quốc gia đã phát triển các đạo luật và khung pháp lý nhằm bảo vệ hiệu quả các quyền của phụ nữ và trẻ em gái. Thay đổi hệ thống pháp luật, giới thiệu các luật bảo vệ phụ nữ, triển khai và giám sát việc thực hiện các đạo luật này là cần thiết để đảm bảo sự bình đẳng giới. Can thiệp pháp lý bao trùm phần lớn các vấn đề trong gia đình (hôn nhân, thừa kế), giáo dục, việc làm, và vị thế chính trị. Sự bất bình đẳng trong thừa kế là một ví dụ, phần lớn con gái được thừa kế ít tài sản gia đình hơn, bao gồm quyền sử dụng đất, khiến cho họ bị gạt ra ngoài lề và ít có giá trị trong xã hội. Một số các can thiệp kinh tế cụ thể (như học bổng, thưởng, phụ cấp, nơi học...) cũng đã được sử dụng để điều chỉnh mức độ bất bình đẳng giới, bù trừ lại những chi phí kinh tế cho con gái, khuyến khích các bậc cha mẹ có cách nhìn tích cực với con gái như với con trai. Những biện pháp kinh tế này khá tốn kém, vì vậy cần được tập trung đúng mức cho các nhóm dân cư trọng tâm như các cặp vợ chồng chỉ có con gái trong các vùng có mức sinh thấp.

Một cách tiếp cận khác là sử dụng các chiến dịch truyền thông hướng tới bình đẳng giới, kết hợp với các hoạt động vận động chính sách khác. Những chiến dịch này có thể nhằm vào những tập tục truyền thống trước đây (hệ thống hôn nhân, các nghi lễ hủ tục...). Thành kiến về giới kéo dài và thường được minh họa qua các câu tục ngữ, ngạn ngữ, lưu truyền qua các thế hệ, thậm chí ngay cả khi các điều kiện của phụ nữ đã được cải thiện. Những chiến dịch cũng có thể nhằm vào các nhóm đối tượng nhất định (cán bộ y tế, lãnh đạo chính trị, các gia đình có trình độ học vấn cao, các gia đình không có con trai...). Những chiến dịch và vận động này khó có thể có hiệu quả tức thời hoặc làm thay đổi thái độ xã hội trong thời gian ngắn. Nhưng chúng tạo nên một cấu thành cần thiết trong việc chuyển đổi hệ thống giới của xã hội và góp phần tạo nên môi trường mới ở đó vai trò của phụ nữ được đánh giá cao hơn so với trước kia.

Những sáng kiến này¹⁸ cần hướng tới thay đổi thái độ và hành vi phân biệt đối xử, nhưng cũng không được bỏ qua những chuyển biến trong môi trường xã hội, kinh tế và chính trị, có ảnh hưởng gián tiếp đến các mối quan hệ về giới. Sự tham gia vào các hoạt động chính trị cũng đáng lưu ý, vì phụ nữ có xu hướng tham gia tích cực vào hoạt động xóa bỏ định kiến về giới. Hệ thống hưu trí là một ví dụ khác vì có mối quan hệ chặt chẽ giữa nhu cầu có con trai và hệ thống hỗ trợ người già. Các tổ chức xã hội dân sự, các cơ quan hành chính ở các cấp sẽ đóng vai trò quyết định đến sự thay đổi này trong tương lai.

¹⁸ Chuyên khảo này không xem xét các dự án và các can thiệp do Bộ Y tế triển khai gần đây, bao gồm các can thiệp hướng tới các gia đình có con gái, học bổng cho học sinh nữ, hỗ trợ người già, và các chiến dịch nâng cao nhận thức khác.